

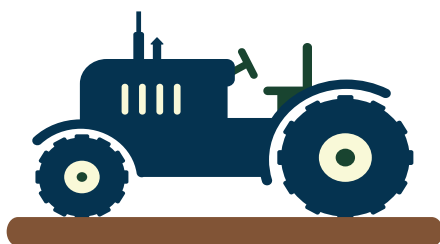


TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI

THÁNG BẢY VÀ 7 THÁNG NĂM 2026

SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

Diện tích gieo trồng lúa và hoa màu tính đến 20/7/2026 so với cùng kỳ năm trước



1.862,8 nghìn ha

▼ 1,3%

Lúa hè thu

682,6
nghìn ha

▼ 3,1%

Ngô

61,2
nghìn ha

▼ 3,3%

Khoai lang

118,8
nghìn ha

▼ 3,0%

Lạc

16,9
nghìn ha

▼ 2,9%

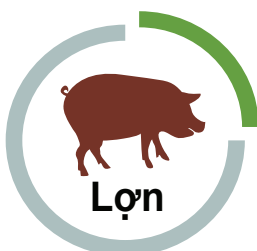
Đậu tương

757,2
nghìn ha

▼ 1,1%

Rau các loại

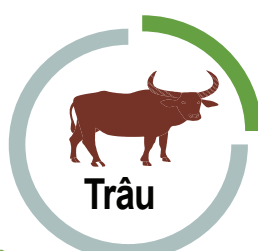
Số lượng gia súc, gia cầm cuối tháng 7/2026 so với cùng thời điểm năm trước



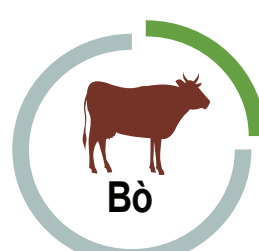
▲ 2,6%



▲ 3,1%

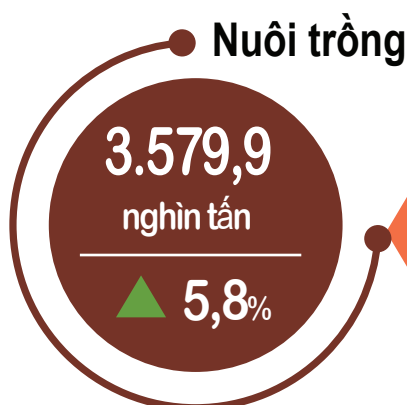


▼ 6,1%



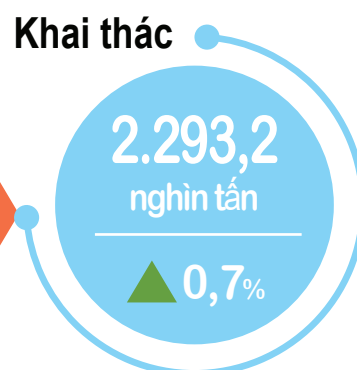
▼ 2,2%

Sản lượng thủy sản 7 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm trước



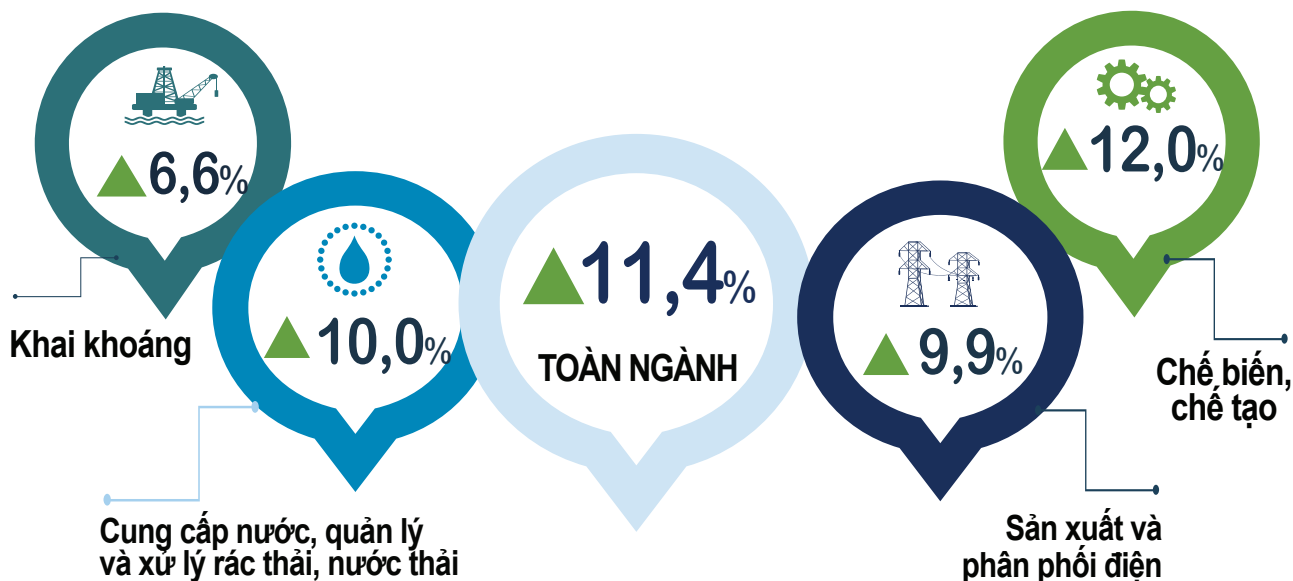
TỔNG SỐ
5.873,1
nghìn tấn

▲ 3,7%



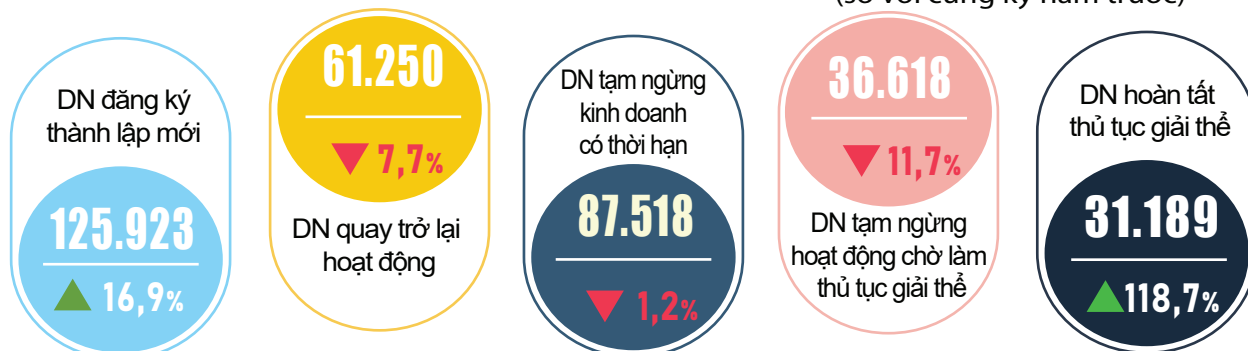
SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP 7 THÁNG NĂM 2026

Tốc độ tăng, giảm Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) so với cùng kỳ năm trước



TÌNH HÌNH ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP 7 THÁNG NĂM 2026

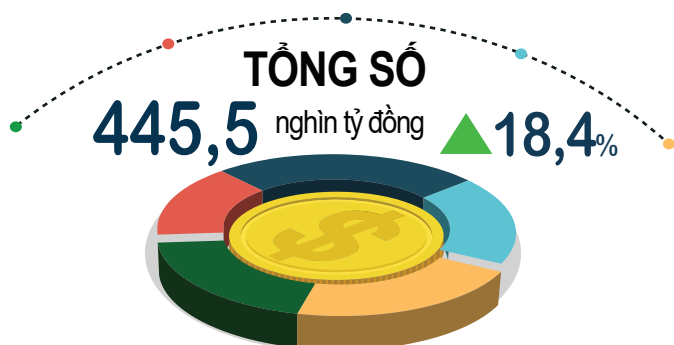
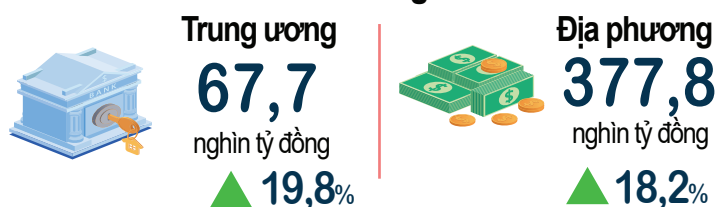
(so với cùng kỳ năm trước)



HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

(so với cùng kỳ năm trước)

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước 7 tháng năm 2026



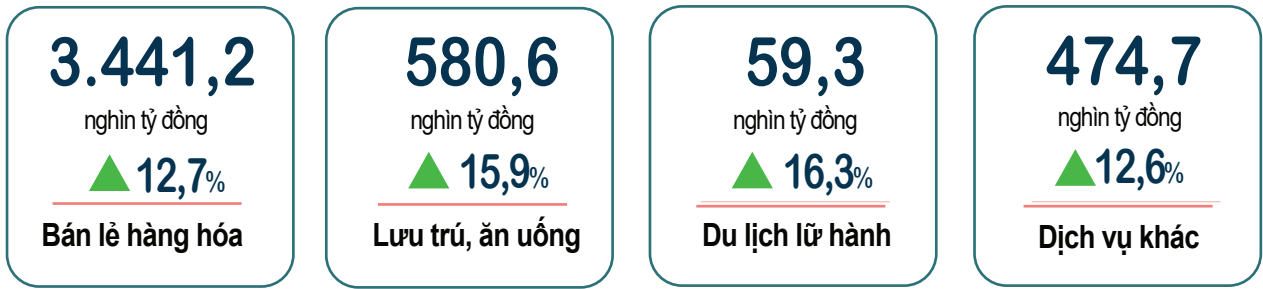
Đầu tư nước ngoài (FDI) vào Việt Nam từ 01/01-31/7/2026

Tổng vốn FDI vào Việt Nam
38,06 tỷ USD (Increase 58,0%)

Tổng vốn FDI thực hiện
15,20 tỷ USD (Increase 11,8%)

TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HÓA VÀ DOANH THU DỊCH VỤ TIÊU DÙNG 7 THÁNG NĂM 2026

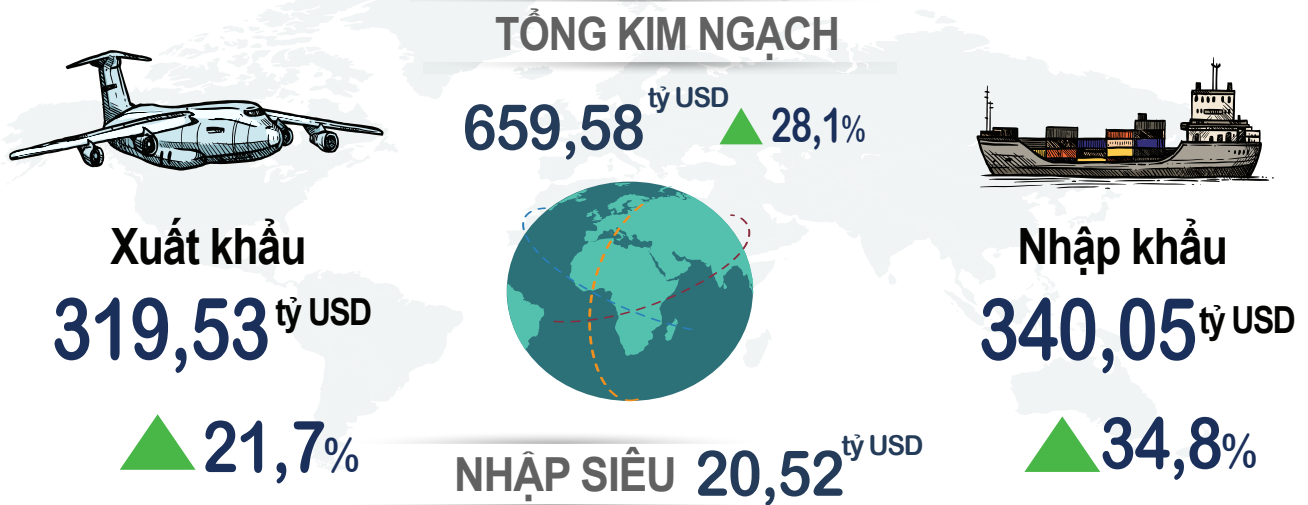
(so với cùng kỳ năm trước)



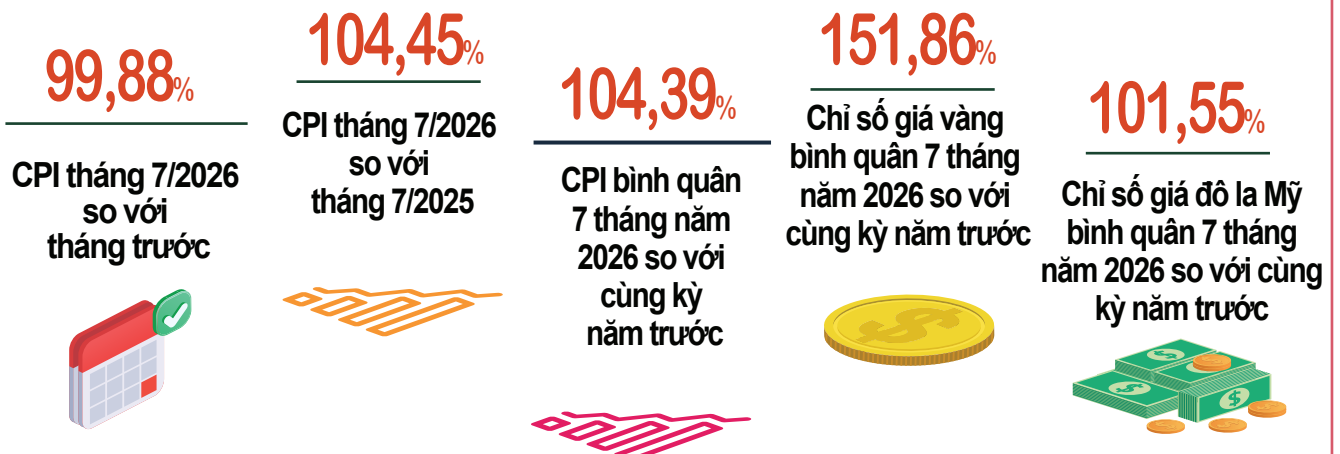
TỔNG SỐ | **4.555,8** nghìn tỷ đồng ▲ 13,1%

XUẤT, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA 7 THÁNG NĂM 2026

(so với cùng kỳ năm trước)

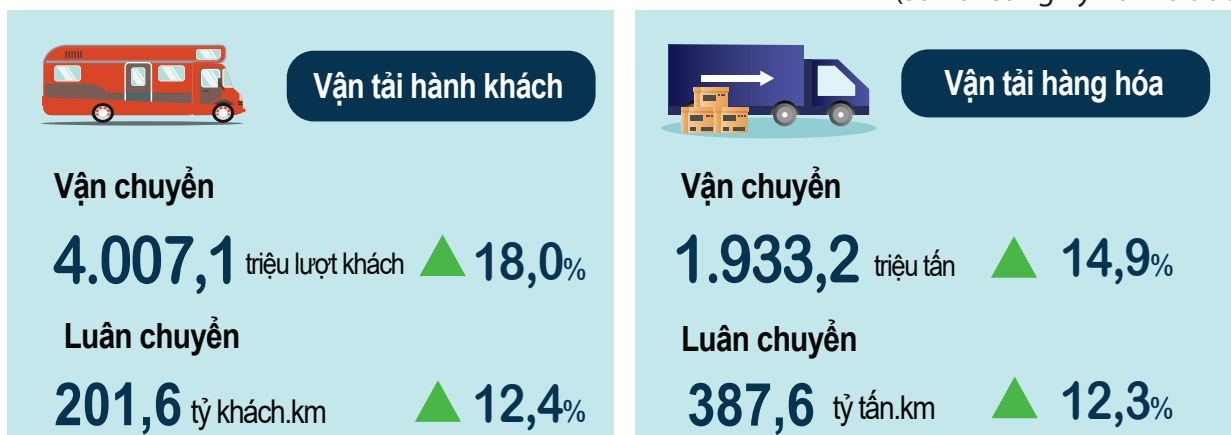


CHỈ SỐ GIÁ



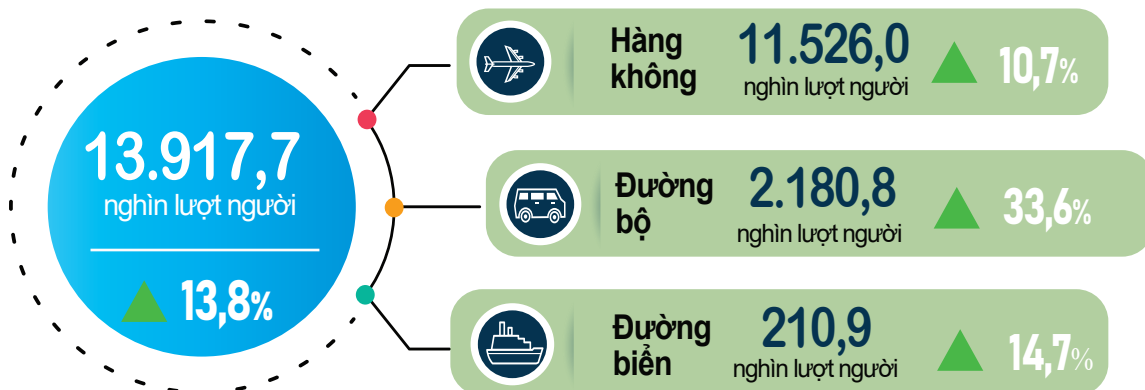
VẬN TẢI HÀNH KHÁCH VÀ HÀNG HÓA 7 THÁNG NĂM 2026

(so với cùng kỳ năm trước)



KHÁCH QUỐC TẾ ĐẾN VIỆT NAM 7 THÁNG NĂM 2026

(so với cùng kỳ năm trước)



Phân theo vùng lãnh thổ (Nghìn lượt người)



TAI NẠN GIAO THÔNG 7 THÁNG NĂM 2026

